



léi shēng
雷 声

noun · thunder sound

Example Sentences

Léi shēng hěn dà bǎ wǒ chǎo xǐng le
雷 声 很 大 ， 把 我 吵 醒 了 。

The thunder was very loud and woke me up.

Yuǎn chù chuán lái lái zhèn zhèn léi shēng kàn lái yào xià yǔ le
远 处 传 来 阵 阵 雷 声 ， 看 来 要 下 雨 了 。

Thunder rumbled in the distance; it looks like it's going to rain.

Trace each character, then write the word on your own.

雷	雷	雷	雷	雷	雷	雷	雷	雷	雷	雷
雷	雷	雷	雷	雷						

声	声	声	声	声	声	声	声	声	声
